

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Thị xã Bắc Kạn - Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2012

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		763.447.340.904	424.443.007.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.953.174.572	3.304.552.459
1. Tiền	111		3.953.174.572	3.304.552.459
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		442.307.785.125	183.744.076.226
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	186.280.914.186	148.992.959.215
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	261.632.422.419	40.282.451.363
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	380.000.000	454.217.128
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(5.985.551.480)	(5.985.551.480)
IV. Hàng tồn kho	140		299.193.207.397	219.987.705.302
1. Hàng tồn kho	141	V.6	299.193.207.397	219.987.705.302
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.993.173.810	17.406.673.310
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	87.642.684	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	901.531.126	1.260.798.188
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà n	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	17.004.000.000	16.145.875.122

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		325.525.426.150	320.636.726.844
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		282.657.085.999	276.378.125.767
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	177.636.216.130	187.563.559.206
<i>Nguyên giá</i>	222		244.830.022.306	233.383.852.306
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(67.193.806.176)	(45.820.293.100)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	541.000.000	541.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		541.000.000	541.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	104.479.869.869	88.273.566.561
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		42.400.000.000	42.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	41.800.000.000	41.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	600.000.000	600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		468.340.151	1.858.601.077
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	468.340.151	1.858.601.077
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.088.972.767.054	745.079.734.141

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NÀ RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/201

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		724.330.727.375	379.930.426.765
I. Nợ ngắn hạn	310		635.887.995.652	291.487.695.042
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	461.725.685.113	159.350.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.17	36.745.711.983	29.974.273.666
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	36.822.470.059	75.511.800.742
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	22.483.439.574	22.488.681.890
5. Phải trả người lao động	315	V.20	933.945.786	179.319.406
6. Chi phí phải trả	316	V.21	19.944.419.946	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn l	319	V.22	53.332.920.154	74.216.301
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	3.899.403.037	3.909.403.037
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		88.442.731.723	88.442.731.723
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	88.442.731.723	88.442.731.723
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		364.642.039.679	365.149.307.376
I. Vốn chủ sở hữu	410		364.642.039.679	365.149.307.376
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	241.900.000.000	241.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	24.780.000.000	24.780.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	25.759.453.786	25.759.453.786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	6.358.402.931	6.358.402.931
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	65.844.182.962	66.351.450.659
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.088.972.767.054	745.079.734.141

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NÀ RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

Bảng cân đối kế toán(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Hà Thị Thu Huyền

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Văn Dĩnh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	94.876.737.019	92.470.739.643	257.680.135.346	307.091.436.893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.624.955.954	-	2.625.339.569	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		93.251.781.065	92.470.739.643	255.054.795.777	307.091.436.893
4. Giá vốn hàng bán	11		57.568.875.296	75.534.223.999	192.721.144.291	255.093.464.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.682.905.769	16.936.515.644	62.333.651.486	51.997.972.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.918.560	3.031.307	10.226.528	72.776.027
7. Chi phí tài chính	22		25.839.606.311	7.226.631.943	56.618.762.489	10.793.059.623
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.839.606.311	7.226.631.943	56.618.762.489	10.793.059.623
8. Chi phí bán hàng	24		325.520.000	-	325.520.000	31.909.020
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		925.668.392	3.208.440.946	4.007.007.856	9.989.642.937
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.594.029.626	6.504.474.062	1.392.587.669	31.256.136.850

11. Thu nhập khác	31	-	-	-	-
12. Chi phí khác	32	74.078.563	-	1.899.855.366	635.694.696
13. Lợi nhuận khác	40	(74.078.563)	-	(1.899.855.366)	(635.694.696)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.519.951.063	6.504.474.062	(507.267.697)	30.620.442.154
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.129.987.766	1.626.118.516	-	7.655.118.039
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>6.389.963.297</u>	<u>4.878.355.546</u>	<u>(507.267.697)</u>	<u>22.965.324.115</u>

Kế toán trưởng



Hà Thị Thu Huyền

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2012



Nguyễn Văn Đình

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NÀ RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(507.267.697)	30.620.472.154
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		21.373.513.076	15.458.108.522
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		25.839.606.311	10.793.059.623
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.705.851.690	56.871.640.299
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(259.062.566.715)	22.485.225.036
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(79.205.502.095)	(42.182.810.249)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		42.034.615.497	(41.187.003.225)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.302.618.242	(206.268.013)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(25.839.606.311)	(7.226.631.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(7.444.166.242)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(274.074.589.692)	(18.890.014.337)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(27.652.473.308)	(30.065.576.592)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.652.473.308)	(30.365.576.592)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		514.286.641.413	62.020.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(211.910.956.300)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		302.375.685.113	62.020.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		648.622.113	12.764.409.071
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.304.552.459	3.233.472.447
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.953.174.572	15.997.881.518

Kế toán trưởng

Hà Thị Thu Huyền

Lập ngày 30 tháng 09 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Văn Dĩnh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, thương mại, xây dựng, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh chính** : Xây dựng dân dụng, giao, thông thủy lợi.
San lấp mặt bằng;
Khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt, chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, ti tan);
Khai thác quặng vàng, bạc;
Bán buôn sắt thép, bán buôn phế liệu;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	4 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, Công ty con, Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.813.609.889	3.096.888.222
Tiền gửi ngân hàng	139.564.683	207.664.237
Cộng:	3.953.174.572	3.304.552.459

2. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	186.280.914.186	148.992.959.215
Trả trước cho người bán	261.632.422.419	40.282.451.363
Các khoản phải thu khác	380.000.000	454.217.128
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.985.551.480)	(5.985.551.480)
Cộng	442.307.785.125	183.744.076.226

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	100.257.590.423	25.535.698.930
Công cụ, dụng cụ	687.555.468	898.170.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	75.001.369.807	56.628.414.780
Thành phẩm	14.054.499.169	4.619.940.595
Hàng hóa	109.192.192.530	132.305.480.997
Cộng	299.193.207.397	219.987.705.302

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	17.004.000.000	16.145.875.122

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2012	134.767.315.222	90.445.909.808	7.815.138.884	355.488.392	233.383.852.306
Tăng trong năm	-	647.000.000	13.177.170.000		13.824.170.000
Mua sắm mới	-	647.000.000	13.177.170.000		13.824.170.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	1.318.000.000	-	1.060.000.000	-	2.378.000.000
Số dư tại 30/09/2012	133.449.315.222	91.092.909.808	19.932.308.884	355.488.392	244.830.022.306
Giá trị hao mòn					
Số dư tại 01/01/2012	23.574.509.574	18.425.330.218	3.526.132.531	294.320.777	45.820.293.100
Tăng trong năm	7.313.924.018	11.928.223.667	2.108.454.937	22.910.454	21.373.513.076
Khấu hao trong năm	7.303.924.018	11.928.223.667	2.108.454.937	22.910.454	21.373.513.076
Giảm trong năm					
Số dư tại 30/09/2012	30.888.433.592	30.353.553.885	5.634.587.468	317.231.231	67.193.806.176
Giá trị còn lại					
Số dư tại 01/01/2012	111.192.805.648	72.020.579.590	4.289.006.353	61.167.615	187.563.559.206
Số dư tại 30/09/2012	104.838.933.509	68.783.122.789	16.128.141.008	45.893.979	177.636.216.130

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên giá	541.000.000	541.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
Giá trị còn lại	541.000.000	541.000.000

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Cacbonat	53.393.114.966	40.047.025.658
Dự án khai thác chế biến chì, kẽm Ngân Sơn	49.956.573.825	36.979.189.825
Dự án Bô xít Cao Bằng	579.271.987	579.271.987
Dự án khai thác quặng Nephelin	527.272.727	527.272.727
Dự án khai thác đá vôi trắng Bản Nôm	23.636.364	23.636.364
Mua sắm tài sản cố định		10.117.170.000
Cộng	104.479.869.869	88.273.566.561

8. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Chợ Bắc Kạn (*)	41.800.000.000	41.800.000.000
Cộng	41.800.000.000	41.800.000.000

Tỷ lệ sở hữu:

	<u>Phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>
Công ty TNHH MTV Chợ Bắc Kạn	100	100

9. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty CP khoáng sản và Luyện kim Bắc Kạn	600.000.000	600.000.000
Cộng	600.000.000	600.000.000

10. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	453.725.685.113	159.350.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	8.000.000.000	-
Cộng	461.725.685.113	159.350.000.000

11. Các khoản phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	36.745.711.983	29.974.273.666
Người mua trả tiền trước	36.822.470.059	75.511.800.742
Các khoản phải trả phải nộp khác	53.332.920.154	74.216.301
Cộng	126.901.102.196	105.560.290.709

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	22.483.439.574	22.488.681.890
Thuế xuất khẩu	-	
Cộng:	23.483.823.189	22.488.681.890

13. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Kạn ^(a)	42.818.476.197	42.818.476.197
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bắc Kạn Thái Nguyên ^(b)	45.624.255.526	45.624.255.526
Cộng	88.442.731.723	88.442.731.723

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Vốn chủ sở hữu + Vốn khác**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	241.900.000.000	24.780.000.000	9.204.816.500	6.358.402.931	75.236.303.131	357.479.522.562
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	7.669.784.814	7.669.784.814
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	16.554.637.286	-	(16.554.637.286)	-
Số dư cuối năm trước	241.900.000.000	24.780.000.000	25.759.453.786	6.358.402.931	66.351.450.659	365.149.307.376
Số dư đầu năm nay	241.900.000.000	24.780.000.000	25.759.453.786	6.358.402.931	66.351.450.659	365.149.307.376
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(507.267.697)	(507.267.697)
Trích lập các quỹ trong năm nay						
Góp vốn hợp tác LD						
Số dư cuối năm nay	241.900.000.000	24.780.000.000	25.759.453.786	6.358.402.931	65.844.182.962	364.642.039.679

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NÀ RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	94.876.737.019	92.470.739.643

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	57.568.875.296	75.534.223.999

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.918.560	3.031.307

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	25.839.606.311	7.226.631.943

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	925.668.392	3.208.440.946

6. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền phạt	74.078.563	-
Chi phí khác		

Kế toán trưởng



Hà Thị Thu Huyền

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 09 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dĩnh